TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Mã nhận dạng 00355



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

**Môn học - Nhóm: Nuôi cấy tế bào thực vật (211207) - 04** **CBGD: Tô Nhã Trầm (447)**

| STT | Mã SV | Họ và tên SV | | Mã lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1 10 % | Đ2 30 % | Điểm thi | Điểm T. kết | Điểm phần nguyên | Tô điểm lẻ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 17126021 | Nguyễn Lưu Ân | Dương | DH17SHA | | 01 | 1,0 | 2,9 | 5,1 | 9,0 | 8 | 0 |
| 2 | 17126030 | Châu Mỹ | Hằng | DH17SHA | | 01 | 1,0 | 3,0 | 5,3 | 9,3 | 8 | 3 |
| 3 | 17126038 | Phan Thị Thanh | Hiền | DH17SHA | | 01 | 1,0 | 3,0 | 4,1 | 8,1 | 7 | 1 |
| 4 | 17126043 | Huỳnh Trần Mỹ | Hoàng | DH17SHA | | 01 | 1,0 | 2,9 | 5,1 | 9,0 | 8 | 0 |
| 5 | 17126048 | Nguyễn Thị Thanh | Hương | DH17SHA | | 01 | 1,0 | 2,9 | 4,3 | 8,2 | 7 | 2 |
| 6 | 17126055 | Nguyễn Anh | Khoa | DH17SHA | | 01 | 1,0 | 2,7 | 4,3 | 8,0 | 7 | 0 |
| 7 | 17126058 | Bùi Phạm Mỹ | Lan | DH17SHA | | 01 | 1,0 | 2,9 | 4,3 | 8.2 | 7 | 2 |
| 8 | 17126065 | Trần Thị Mỹ | Linh | DH17SHA | | 01 | 1,0 | 2,9 | 5,6 | 9,5 | 8 | 5 |
| 9 | 17126072 | Ngô Vũ Hà | Mi | DH17SHA | | 01 | 1,0 | 2,7 | 5,1 | 8.8 | 7 | 8 |
| 10 | 17126073 | Nguyễn Thị Mi | Mi | DH17SHA | | 01 | 1,0 | 2,9 | 5,8F | 9,7 | 8 | 7 |
| 11 | 17126074 | Lê Nhật | Minh | DH17SHA | | 01 | 1,0 | 2,9 | 5,1F | 9,0 | 8 | 0 |
| 12 | 17126079 | Giang Thị Trà | My | DH17SHA | | 01 | 1,0 | 3,0 | 5,1 | 9,1 | 8 | 1 |
| 13 | 17126080 | Nguyễn Thị Kim | My | DH17SHA | | 01 | 1,0 | 3,0 | 4.1 | 8.1 | 7 | 1 |
| 14 | 17126083 | Nguyễn Thành | Mỹ | DH17SHA | | 01 | 1,0 | 2,9 | 5.3 | 9,2 | 8 | 2 |
| 15 | 17126085 | Nguyễn Thanh | Ngân | DH17SHA | | 01 | 0,9 | 2,8 | 5.3 | 9,0 | 8 | 0 |
| 16 | 17126087 | SỪ Kiều | Ngân | DH17SHA | | 01 | 1,0 | 3,0 | 5,1 | 9,1 | 8 | 1 |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Mã nhận dạng 00355



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

CBGD: Tô Nhã Trầm (447)

Môn học - Nhóm: Nuôi cấy tế bào thực vật (211207) - 04

| STT | Mã SV | Họ và tên SV | | Mã lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1 ___% | Đ2 ___% | Điểm thi | Điểm T. kết | Điểm phần nguyên | Tô điểm lẻ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 17 | 17126210 | Đặng Long Bảo | Ngọc | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 2,9 | 5,3 | 9,2 | 9 | 2 |
| 18 | 17126090 | Lý Khánh | Nguyên | DH17SHA | | 01 | 1,0 | 3,0 | 4,3 | 8,3 | 8 | 3 |
| 19 | 17126103 | Nguyễn Thiện | Nho | DH17SHA | | 01 | 0,8 | 2,8 | 4,6 | 8,2 | 8 | 2 |
| 20 | 17126119 | Đặng Thị Thúy | Quỳnh | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 2,9 | 5,3 | 9,2 | 9 | 2 |
| 21 | 16126225 | Khê Văn | Sơn | DH16SH | | 01 | 0,8 | 2,9 | 4,8 | 8,5 | 8 | 5 |
| 22 | 17126154 | Huỳnh Thị Thùy | Trâm | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 2,9 | 4,3 | 8,2 | 8 | 2 |
| 23 | 17126164 | Trần Thị Mai | Trinh | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 3,0 | 5,3 | 9,3 | 9 | 3 |

Số lượng vắng: Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 Xác nhận của khoa/bộ môn Cán bộ chấm thi 1 Cán bộ chấm thi 2

Tôn Trang Anh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Mã nhận dạng 00356



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

**Môn học - Nhóm: Nuôi cấy tế bào thực vật (211207) - 05** **CBGD: Tô Nhã Trầm (447)**

| STT | Mã SV | Họ và tên SV | | Mã lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1 ___% | Đ2 ___% | Điểm thi | Điểm T. kết | Điểm phần nguyên | Tô điểm lẻ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 17126002 | Hoàng Lê Thái | Anh | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 3,0 | 5,3 | 9,3 | 10 | 2 |
| 2 | 17126010 | Phạm Nguyễn Ngọc | Châu | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 3,0 | 5,3 | 9,3 | 10 | 2 |
| 3 | 17126025 | Nguyễn Thị Ngọc | Duyên | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 3,0 | 4,8 | 8,8 | 8 | 8 |
| 4 | 17126900 | Lưu Thị Bích | Kiều | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 2,9 | 3,8 | 7,7 | 7 | 7 |
| 5 | 17126057 | Lê Thị Tú | Lam | DH17SHA | | 01 | 1,0 | 2,9 | 4,3 | 8,2 | 8 | 2 |
| 6 | 17126207 | Danh Thị Sa | Ly | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 2,9 | 5,1 | 9,0 | 9 | 0 |
| 7 | 17126070 | Nguyễn Nguyên | Lý | DH17SHA | | 01 | 1,0 | 2,9 | 5,3 | 9,2 | 9 | 2 |
| 8 | 17126099 | Lê Thị Ngọc | Nhi | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 2,9 | 5,8 | 9,7 | 9 | 7 |
| 9 | 17126105 | Lê Thị Thảo | Như | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 2,9 | 6,0 | 9,9 | 9 | 9 |
| 10 | 17126107 | Trần Thị Quỳnh | Như | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 3,0 | 5,1 | 9,1 | 9 | 1 |
| 11 | 17126108 | Nguyễn Minh | Nhựt | DH17SHB | | 01 | 0,9 | 3,0 | 4,3 | 8,2 | 8 | 2 |
| 12 | 17126110 | Vũ Phạm Thanh | Phú | DH17SHA | | 01 | 1,0 | 2,9 | 5,3 | 9,2 | 9 | 2 |
| 13 | 17126113 | Phan Thị Thanh | Phượng | DH17SHB | | 01 | 0,9 | 2,9 | 5,6 | 9,4 | 9 | 4 |
| 14 | 17126125 | Nguyễn Minh Tuyết | Sương | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 2,9 | 4,6 | 8,5 | 8 | 5 |
| 15 | 17126127 | Võ Trọng | Tài | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 2,9 | 4,8 | 8,7 | 8 | 7 |
| 16 | 17126131 | Nguyễn Thị Kim | Thảo | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 2,9 | 4,8 | 8,7 | 8 | 7 |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Mã nhận dạng 00356



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

**Môn học - Nhóm: Nuôi cấy tế bào thực vật (211207) - 05** **CBGD: Tô Nhã Trầm (447)**

| STT | Mã SV | Họ và tên SV | | Mã lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1 10 % | Đ2 30 % | Điểm thi | Điểm T. kết | Điểm phần nguyên | Tô điểm lẻ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 17 | 17126136 | Nguyễn Hoàng Đức | Thịnh | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 2,9 | 4,6 | 8,5 | 9 | 5 |
| 18 | 17126139 | Tô Đỗ Quốc | Thông | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 2,9 | 5,3 | 9,2 | 9 | 2 |
| 19 | 17126138 | Hàng Thị Tuyết | Thời | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 2,9 | 5,1 | 9,0 | 9 | 0 |
| 20 | 17126141 | Nguyễn Thị Minh | Thư | DH17SHB | | 01 | 0,8 | 2,9 | 4,1 | 7,8 | 8 | 7 |
| 21 | 17126143 | Phan Ngọc Trúc | Thư | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 3,0 | 5,1 | 9,1 | 9 | 1 |
| 22 | 17126144 | Trần Thị Minh | Thư | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 3,0 | 5,6 | 9,6 | 9 | 6 |
| 23 | 17126149 | Nguyễn Thị Kiều | Tiên | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 3,0 | 5,6 | 9,6 | 9 | 6 |
| 24 | 17126159 | TrầnThụy Huyền | Trang | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 2,9 | 4,8 | 8,7 | 9 | 7 |
| 25 | 17126176 | Tô Thị Ái | Uyên | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 2,9 | 6,0 | 9,9 | 9 | 9 |

**Số lượng vắng:** **Hiện diện:**

**Cán bộ coi thi 1** **Cán bộ coi thi 2** **Xác nhận của khoa/bộ môn** **Cán bộ chấm thi 1** **Cán bộ chấm thi 2**

Tô Trang Anh

Ngày in : 01/06/2020 10:37

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Mã nhận dạng 00357



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

**Môn học - Nhóm: Nuôi cấy tế bào thực vật (211207) - 10** -

**CBGD: Tô Nhã Trầm (447)**

| STT | Mã SV | Họ và tên SV | | Mã lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1 10 % | Đ2 30% | Điểm thi | Điểm T. kết | Điểm phần nguyên | Tô điểm lẻ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 17126019 | Lê Ngọc | Dung | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 2,9 | 5,3 | 9,2 | 9 | 5 |
| 2 | 18126044 | Phạm Hùng | Hậu | DH18SHD | | 01 | 1,0 | 2,9 | 3,8 | 7,7 | 7 | 7 |
| 3 | 17126045 | Nguyễn Thị Minh | Hoàng | DH17SHA | | 01 | 1,0 | 3,0 | 5,1 | 9,1 | 9 | 1 |
| 4 | 18126056 | Đoàn Thị | Huệ | DH18SHA | | 01 | 1,0 | 2,9 | 4,6 | 8,5 | 8 | 5 |
| 5 | 17126062 | Đào Thái | Lily | DH17SHA | | 01 | 1,0 | 2,9 | 5,1 | 9,0 | 9 | 0 |
| 6 | 17126063 | Cao Tuấn | Linh | DH17SHA | | 01 | 1,0 | 2,9 | 5,6 | 9,5 | 9 | 5 |
| 7 | 18126084 | Lê Tấn | Lộc | DH18SHA | | 01 | 1,0 | 2,9 | 4,8 | 8,7 | 8 | 7 |
| 8 | 17126067 | Lê Tấn | Lợi | DH17SHA | | 01 | 1,0 | 3,0 | 5,3 | 9,3 | 9 | 3 |
| 9 | 17126069 | Nguyễn Thị Khánh | Ly | DH17SHA | | 01 | 1,0 | 2,9 | 5,1 | 9,0 | 9 | 0 |
| 10 | 17126078 | Bùi Thị Hồng | My | DH17SHA | | 01 | 1,0 | 2,9 | 5,3 | 9,2 | 9 | 2 |
| 11 | 17126081 | Trần Nguyễn Trúc | My | DH17SHA | | 01 | 1,0 | 2,9 | 4,8 | 8,7 | 8 | 7 |
| 12 | 17126084 | Lý Hồng | Ngân | DH17SHA | | 01 | 1,0 | 2,9 | 4,8 | 8,7 | 8 | 7 |
| 13 | 17126089 | Phùng Thị Ánh | Ngọc | DH17SHA | | 01 | 1,0 | 3,0 | 5,1 | 9,1 | 9 | 1 |
| 14 | 17126117 | Phạm Ngọc | Quang | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 2,9 | 6,0 | 9,9 | 9 | 9 |
| 15 | 17126115 | Nguyễn Minh | Quân | DH17SHA | | 01 | 1,0 | 2,9 | 4,6 | 8,5 | 8 | 5 |
| 16 | 18126138 | Trần Thị Thanh | Quyên | DH18SHB | | 01 | 1,0 | 3,0 | 3,8 | 7,8 | 7 | 8 |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Mã nhận dạng 00357



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

**Môn học - Nhóm: Nuôi cấy tế bào thực vật (211207) - 10** **CBGD: Tô Nhã Trầm (447)**

| STT | Mã SV | Họ và tên SV | | Mã lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1 __% | Đ2 __% | Điểm thi | Điểm T. kết | Điểm phần nguyên | Tô điểm lẻ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 17 | 17126126 | Văn Tấn | Tài | DH17SHB | Tai | 01 | 1,0 | 3,0 | 5,6 | 9,6 | 9 | 6 |
| 18 | 18126159 | Nguyễn Minh | Thiện | DH18SHD | | 01 | 1,0 | 2,9 | 5,1 | 9,0 | 9 | 0 |
| 19 | 17126180 | Nguyễn Dương Hoàng | Vinh | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 2,9 | 5,6 | 9,5 | 9 | 5 |
| 20 | 17126182 | Trần Thị | Vũ | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 3,0 | 5,8 | 9,8 | 9 | 8 |

**Số lượng vắng:** **Hiện diện:**

**Cán bộ coi thi 1** **Cán bộ coi thi 2** **Xác nhận của khoa/bộ môn** **Cán bộ chấm thi 1** **Cán bộ chấm thi 2**

Tô Trang Anh

Ngày in : 01/06/2020 10:37

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Mã nhận dạng 00358



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

**Môn học - Nhóm: Nuôi cấy tế bào thực vật (211207) - 11**

**CBGD: Tô Nhã Trầm (447)**

| STT | Mã SV | Họ và tên SV | | Mã lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1 10% | Đ2 30% | Điểm thi | Điểm T. kết | Điểm phần nguyên | Tô điểm lẻ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 18126026 | Võ Ngọc | Dũng | DH18SHB | | 01 | 1,0 | 2,9 | 5,8 | 9,7 | 10 | 7 |
| 2 | 17126039 | Trần Thị Thu | Hiền | DH17SHA | | 01 | 1,0 | 3,0 | 4,8 | 8,8 | 8 | 8 |
| 3 | 17126051 | Phạm Ngọc | Huyền | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 3,0 | 5,1 | 9,1 | 9 | 1 |
| 4 | 17126052 | Võ Ngọc MỸ | Huyền | DH17SHA | | 01 | 1,0 | 3,0 | 5,6 | 9,6 | 9 | 6 |
| 5 | 17126076 | Nguyễn Như | Mụi | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 2,9 | 5,3 | 9,2 | 9 | 2 |
| 6 | 17126098 | Hoàng Thị Huệ | Nhi | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 2,9 | 4,3 | 8,2 | 8 | 2 |
| 7 | 17126104 | Huỳnh Nguyễn Quỳnh | Như | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 2,9 | 5,3 | 9,2 | 9 | 2 |
| 8 | 17126106 | Nguyễn Trần Quỳnh | Như | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 2,9 | 5,1 | 9,0 | 9 | 0 |
| 9 | 17126109 | Dương Thị Kim | Oanh | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 2,9 | 5,1 | 9,0 | 9 | 0 |
| 10 | 17126214 | Đạo Thanh | Phong | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 2,9 | 4,8 | 8,7 | 8 | 7 |
| 11 | 17126112 | Đỗ Hà | Phương | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 2,9 | 4,8 | 8,7 | 8 | 7 |
| 12 | 17126121 | Đặng Phước | Sang | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 2,9 | 5,3 | 9,2 | 9 | 2 |
| 13 | 17126124 | Phạm Thanh | Sơn | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 3,0 | 5,3 | 9,3 | 9 | 3 |
| 14 | 17126146 | Nguyễn Thị Xuân | Thúy | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 3,0 | 5,3 | 9,3 | 9 | 3 |
| 15 | 17126142 | Nguyễn Thị Minh | Thư | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 2,9 | 4,1 | 8,0 | 8 | 0 |
| 16 | 17126150 | Phạm Thị Cẩm | Tiên | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 2,9 | 4,8 | 8,7 | 8 | 7 |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Mã nhận dạng 00358



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

**Môn học - Nhóm: Nuôi cấy tế bào thực vật (211207) - 11** **CBGD: Tô Nhã Trầm (447)**

| STT | Mã SV | Họ và tên SV | | Mã lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1 10 % | Đ2 30% | Điểm thi | Điểm T. kết | Điểm phần nguyên | Tô điểm lẻ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 17 | 17126155 | Nguyễn Ngọc Phương | Trâm | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 3,0 | 5,6 | 9,6 | 10 | 6 |
| 18 | 17126162 | Phan Minh | Trí | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 2,9 | 5,1 | 9,0 | 10 | 0 |
| 19 | 17126163 | Trần Quốc | Triệu | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 2,9 | 5,3 | 9,2 | 10 | 2 |
| 20 | 17126165 | Phạm Hữu | Trọng | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 3,0 | 5,6 | 9,6 | 10 | 6 |
| 21 | 17126166 | Phạm Quốc | Trọng | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 3,0 | 5,3 | 9,3 | 10 | 3 |
| 22 | 17126174 | Ngô Phương | Uyên | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 3,0 | 5,3 | 9,3 | 10 | 3 |

**Số lượng vắng:** **Hiện diện:**

**Cán bộ coi thi 1** **Cán bộ coi thi 2** **Xác nhận của khoa/bộ môn** **Cán bộ chấm thi 1** **Cán bộ chấm thi 2**

Tô Trang Anh

Ngày in : 01/06/2020 10:37

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Mã nhận dạng 00359



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

**Môn học - Nhóm: Nuôi cấy tế bào thực vật (211207) - 12** **CBGD: Tô Nhã Trầm (447)**

| STT | Mã SV | Họ và tên SV | | Mã lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1 10 % | Đ2 30 % | Điểm thi | Điểm T. kết | Điểm phần nguyên | Tô điểm lẻ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 17126007 | Nguyễn Thị Ngọc | Ánh | DH17SHA | | 01 | 0,9 | 2,9 | 4,3 | 8,1 | 8 | 1 |
| 2 | 17126036 | Lê Thị Mỹ | Hậu | DH17SHA | | 01 | 0,9 | 2,9 | 4,8 | 8,6 | 8 | 6 |
| 3 | 17126049 | Nguyễn Minh | Huy | DH17SHA | | 01 | 0,9 | 2,9 | 4,8 | 8,6 | 8 | 6 |
| 4 | 17126056 | Quách Văn | Kiên | DH17SHA | | 01 | 1,0 | 2,9 | 5,6 | 9,5 | 9 | 5 |
| 5 | 17126066 | Lê Văn | Lộc | DH17SHA | | 01 | 0,9 | 2,9 | 4,6 | 8,5 | 8 | 5 |
| 6 | 17126208 | Sơn Thị Tuyết | Mai | DH17SHA | | 01 | 1,0 | 3,0 | 4,3 | 8,3 | 8 | 3 |
| 7 | 17126071 | Trần Thị | Mai | DH17SHA | | 01 | 1,0 | 2,9 | 5,1 | 9,0 | 9 | 0 |
| 8 | 17126082 | Nguyễn Hoàng | Mỹ | DH17SHA | | 01 | 0,9 | 2,9 | 5,1 | 8,9 | 8 | 9 |
| 9 | 17126086 | Nguyễn Thanh | Ngân | DH17SHA | | 01 | 0,9 | 3,0 | 4,8 | 8,7 | 8 | 7 |
| 10 | 17126209 | Bàn Thị | Nghĩa | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 2,9 | 5,6 | 9,5 | 9 | 5 |
| 11 | 17126093 | Vũ Thị ÁNh | Nguyệt | DH17SHA | Nguyệt | 01 | 1,0 | 2,9 | 5,6 | 9,5 | 9 | 5 |
| 12 | 17126096 | Lê Thy | Nhạn | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 3,0 | 5,8 | 9,8 | 9 | 8 |
| 13 | 17126095 | Nguyễn Hạnh | Nhân | DH17SHA | | 01 | 1,0 | 2,9 | 4,3 | 8,2 | 8 | 2 |
| 14 | 17126101 | Lưu Khải | Nhiên | DH17SHA | | 01 | 0,9 | 2,7 | 5,1 | 8,7 | 8 | 7 |
| 15 | 15126130 | Phạm Quỳnh Yến | Thanh | DH15SHB | | 01 | 1,0 | 3,0 | 5,3 | 9,3 | 9 | 3 |
| 16 | 17126147 | Ngô Thị Như | Thủy | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 3,0 | 4,8 | 8,8 | 8 | 8 |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Mã nhận dạng 00359



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

**Môn học - Nhóm: Nuôi cấy tế bào thực vật (211207) - 12** **CBGD: Tô Nhã Trầm (447)**

| STT | Mã SV | Họ và tên SV | | Mã lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1 10% | Đ2 30% | Điểm thi | Điểm T. kết | Điểm phần nguyên | Tô điểm lẻ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 17 | 17126152 | Trương Đình | Tin | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 2,9 | 5,3 | 9,2 | 10 | 1 |
| 18 | 17126217 | Trà | Toàn | DH17SHA | | 01 | 1,0 | 2,9 | 4,6 | 8,5 | 8 | 5 |
| 19 | 17126153 | Võ Sĩ | Toàn | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 2,9 | 4,3 | 8,2 | 8 | 2 |
| 20 | 17126158 | Huỳnh Nguyễn Phương | Trang | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 3,0 | 5,1 | 9,1 | 9 | 1 |
| 21 | 17126161 | Huỳnh Thanh | Trí | DH17SHB | | 01 | 1,0 | 2,9 | 5,1 | 9,0 | 9 | 0 |
| 22 | 17126220 | Thuận Khoa Tuyết | Trịnh | DH17SHA | | 01 | 1,0 | 3,0 | 4,6 | 8,6 | 8 | 6 |
| 23 | 16126198 | Nguyễn Thị Ánh | Tuyết | DH16SH | | 01 | 1,0 | 2,9 | 5,1 | 9,0 | 9 | 0 |
| 24 | 17126179 | Hồ Bá | Vinh | DH17SHB | | 01 | 0,9 | 3,0 | 5,8 | 9,7 | 9 | 7 |

**Số lượng vắng:** **Hiện diện:**

**Cán bộ coi thi 1** **Cán bộ coi thi 2** **Xác nhận của khoa/bộ môn** **Cán bộ chấm thi 1** **Cán bộ chấm thi 2**

Tôn Trang Anh

Ngày in : 01/06/2020 10:37